

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày 16/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST– HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Danh H P; sinh ngày 01/01/2000 tại Kiên G; Nơi cư trú: T, KH. 4, P. VL, TP. RG, KG; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Đạo phật; Giới tính: Nam; Con ông Danh U; sinh năm 1978 và bà Danh Thị H, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên:

- Vào ngày 09/3/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên G xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, do tại thời điểm phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 06 tháng và do bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nên căn cứ vào Điều 107 Bộ luật hình sự bị cáo được coi là không có án tích.

- Vào ngày 25/7/2013 bị cáo bị Công an phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ra quyết định đưa đi trường giáo dưỡng 24 tháng. Về hành vi

“Trộm cắp tài sản”, đến ngày 05 tháng 02 năm 2014 bị cáo chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/3/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Khoa** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bị hại: Anh **Lâm Văn T**; sinh năm 1998 (vắng mặt).

Trú tại: ấp VQ, xã VHP, huyện CT, KG

Người làm chứng:

1/ Anh **Phạm Tiến T1**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: 1258/1/5 NTT, P. AB, TP. RG, KG

2/ Anh **Danh C**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp AB, xã MH, huyện CT, KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 29 tháng 02 năm 2020 Danh H P trên đường đi đến nhà bạn gái tên Danh Thị P G thì P nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Raider màu đen, biển kiểm soát số: 68C1- 291.24 của anh Lâm Văn T (xe do Lâm Thị Tr, sinh năm 1996, nơi cư trú: ấp VQ, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG là chị ruột của T đứng tên chủ sở hữu) đang đậu trong sân nhà bà Danh Thị Bích M, trú tại ấp SD, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG. Lúc này P nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, P về nhà và gọi điện thoại cho một đối tượng tên Ph (không xác định nhân thân, lai lịch) là bạn của P, P rủ Ph đi trộm chiếc xe trên thì Ph đồng ý. Đến 02 giờ, ngày 01 tháng 3 năm 2020 P và Ph đi bộ đến nhà bà M nơi đậu chiếc xe trên thì thấy xe không có người trông coi. P lén lút đi đến gạt chốt cổng rào đẩy vào để Ph đi vào bên trong dắt xe trên ra ngoài. Ph và P đẩy chiếc xe mô tô trên về hướng nhà của G, khi đến trước nhà của G thì P giao chiếc xe cho Ph để dẫn xe này đi làm chìa khóa, còn P vào nhà G ngủ.

Đến khoảng 09 giờ, ngày 01 tháng 3 năm 2020 sau khi đã làm xong chìa khóa thì Ph giao chiếc xe vừa trộm được lại cho P rồi đi ghe biển. Sau đó, P nhờ một người bạn tên Ng (chưa xác định nhân thân, lai lịch) tìm người bán xe dùm. Một lúc sau Ng và P chạy chiếc xe trên đến xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G để bán chiếc xe trên cho anh Ngô Minh H, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Ấp BL, xã MH, huyện CT, KG. Lúc này anh H hỏi giấy tờ xe đâu thì Ng nói đã làm

mất khi đi ghe biển thì anh H không đồng ý mua. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại lại cho Ng và nói đồng ý mua xe nhưng phải làm giấy mua bán thì P đồng ý, sau đó P và Ng quay lại nhà của H bán chiếc xe trên cho H với giá là 12.000.000 đồng và P ký tên trong giấy tờ mua bán xe với tên giả là Danh Tuấn Hải. H trả trước cho P số tiền 1.500.000 đồng và nhờ Danh C đi xác định chiếc xe trên có phải là xe trộm cắp không mới trả đủ tiền cho P. Do P không có xe về nên H có đưa thêm cho P chiếc xe Wave loại Trung Quốc màu đen biển kiểm soát số: 68C1-291.19 để đi về. Sau đó vài ngày P lấy chiếc xe này đi bán cho anh Phạm Tiến T1, sinh năm 1993, nơi cư trú: ấp PL, xã MT B, huyện CT, KG giá 700.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Anh T1 sau đó đem xe đi bán cho một người không xác định nhân thân lại lịch với số tiền là 700.000 đồng.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 19 ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Tài sản xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI số loại RAIDER, màu đen trắng, số máy G427109052, số khung: 41J0G0109251, biển kiểm soát số: 68C1-291.24 có giá trị: 33.523.600 đồng.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại anh Lâm Văn T: 01 mô tô nhãn hiệu SUZUKI số loại RAIDER, màu đen trắng, số máy G427109052, số khung: 41J0G0109251, Biển kiểm soát số 68C1-291.24 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số: 013069.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, người bị hại anh Lâm Văn T đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với Danh H P có hành vi bán chiếc xe Wave Trung Quốc màu đen biển kiểm soát số: 68C1-291.19. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra anh H không yêu cầu P phải trả lại chiếc xe trên cho anh, đồng thời cũng không yêu cầu phải bồi thường. Ngoài ra hiện tại anh H đã bỏ địa P đi đâu không rõ nên chưa xác định được việc H cho P mượn xe hay là dùng chiếc xe trên để bù vào phần tiền mua xe Raider. Vì vậy chưa đủ căn cứ để xử lý P về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Đối với người tên Ph (không xác định nhân thân, lai lịch) theo lời khai của P là người đã cùng P đi trộm cắp tài sản. Qua quá trình điều tra do không xác định được nhân thân lai lịch của Ph nên không thể mời Ph về làm việc được. Vì vậy, khi nào làm việc được với Ph sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với Danh Thị P G bạn gái của P, theo lời khai của P đã cùng P đi bán tài sản do trộm cắp mà có. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành mời G về làm việc để xác định hành vi trên, Tuy nhiên hiện tại G đã bỏ địa P đi đâu không rõ. Vì vậy, khi nào làm việc được với G, sẽ tiến hành xác minh xử lý theo quy định.

Đối với đối tượng tên Ng (không xác định nhân thân, lai lịch) theo lời khai của P đã cùng P đi bán tài sản do trộm cắp mà có. Qua quá trình điều tra do không xác định được nhân thân lai lịch của Ng nên không thể mời Ng về làm việc được. Vì vậy, khi nào làm việc được với Ng, sẽ tiến hành xử lý sau.

Ngô Minh H có hành vi mua chiếc xe mà P đã trộm cắp. Quá trình điều tra đã chứng minh H không biết P trộm cắp chiếc xe trên, ngoài ra hiện H đã bỏ địa P đi đâu không rõ. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Danh C là người đứng tên người mua trong giấy mua bán xe thay cho Ngô Minh H. C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy không đủ căn cứ để xử lý C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Phạm Tiến T1 có hành vi mua chiếc xe Wave Trung Quốc. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra đã chứng minh T1 không biết chiếc xe đó là do Danh H P lấy của anh H. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý T1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-CT ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên G đã truy tố bị cáo Danh H P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh H P phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh H P** từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bà **Nguyễn Thị Khoa** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên Trợ giúp viên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

- Về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thuộc diện hộ cận nghèo tại địa P được nhà nước công nhận, nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần cũng có lỗi của bị hại trong việc quản lý tài sản. Do đó, Trợ giúp viên đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà VKS đề nghị cũng đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có làm đơn xin giảm miễn án hình sự. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận cho bị cáo.

Bị cáo không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 20 giờ ngày 29 tháng 02 năm 2020, Danh H P đi ngang nhà của bà Danh Thị Bích M trú tại ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki mang biển số kiểm soát 68C1-291.24 của anh Lâm Văn T đang đậu trước sân không người trông giữ nên P nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó P đi về nhà và liên hệ với đối tượng tên Ph (không rõ nhân thân lai lịch) P rủ Ph lấy trộm chiếc xe trên thì Ph đồng ý. Đến khoảng 02 giờ, ngày 01/3/2020 P và Ph đi bộ đến nhà bà M, P lén lút mở cổng rào để Ph lấy trộm chiếc xe trên đem đi. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà bị cáo lấy trộm của anh T có giá trị là 33.523.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Như vậy, việc bị cáo lén lút xe của bị hại có giá trị 33.523.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo là người đã trưởng thành có đủ năng lực nhận thức rõ việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra sẽ bị xử lý trách nhiệm hình sự nếu như cố ý vi phạm, thế nhưng với bản chất tham lam, lười lao động nên khi nhìn thấy xe anh T đang đậu trước sân nhà bà M không người trông giữ bị cáo liền nảy sinh ý định lấy cắp đem bán lấy tiền tiêu xài. Trong vụ án này cho thấy bị cáo đã lợi dụng đêm tối, thiếu sự quản lý tài sản của người bị hại để nhanh tay lấy cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân làm cho họ không an tâm lao động, sản xuất. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật có phần còn hạn chế nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Xét đề nghị của bà Nguyễn Thị Khoa – Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Do chiếc xe bị mất trộm người bị hại anh Lâm Văn T đã được nhận lại và do anh T không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

7.2 Đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Minh H thì theo lời khai ban đầu anh H không yêu cầu bị cáo P trả lại cho anh số tiền 1.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra mua xe từ bị cáo và chiếc xe mô tô loại Wave Trung Quốc, biển kiểm soát số 68C1-301.19 mà bị cáo lấy của anh. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành mời anh H làm việc để xác định lại các yêu cầu trên. Tuy nhiên do anh H đã bỏ địa P đi và không xác định được đi đâu. Do đó, nếu sau này anh H có yêu cầu bị cáo trả lại các tài sản trên lại cho anh thì sẽ khởi kiện thành 01 vụ kiện dân sự khác.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh H P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Danh H P 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 31/3/2020.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc bị cáo Danh H P phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo được Nhà nước chứng nhận và bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì trường hợp của bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng, bị cáo không phải chịu án phí.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Ph